



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

50 Tôn Thất Đạm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 3.9141904 Fax: 3.9141910

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO  
QUYẾT TOÁN HỢP NHẤT  
QUÝ 03/2010**

THÁNG 11/2010



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>913,273,719,122</b>	<b>414,253,647,388</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>163,087,968,051</b>	<b>89,867,099,204</b>
1. Tiền	111	V.01	163,087,968,051	89,867,099,204
<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>147,455,966,924</b>	<b>148,587,308,340</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		157,476,982,428	148,587,308,340
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10,021,015,504)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>574,599,806,594</b>	<b>163,647,355,285</b>
1. Phải thu khách hàng	131		403,344,425,330	34,698,766,809
2. Trả trước cho người bán	132		82,185,274,803	93,947,887,189
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	89,070,106,461	35,000,701,287
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,052,170,900</b>	<b>2,107,692,885</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1,052,170,900	2,107,692,885
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,077,806,653</b>	<b>10,044,191,674</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		291,581,163	313,261,704
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25,696,664,570	9,478,196,880
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,089,560,920	252,733,090
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,431,161,542,817</b>	<b>1,956,742,946,279</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,946,291,687</b>	<b>2,008,680,687</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	1,946,291,687	2,008,680,687
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,137,975,112,915</b>	<b>655,467,566,755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2,795,562,956	69,591,918,981
- Nguyên giá	222		8,039,156,927	87,449,675,496

11/03/2010  
HỒ SƠ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,243,593,971)	(17,857,756,515)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	319,160,223,707	324,163,317,019
- Nguyên giá	228		1,080,638,105,383	1,000,000,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(761,477,881,676)	(675,836,682,981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	816,019,326,252	261,712,330,755
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>1,152,856,267,475</b>	<b>1,154,735,159,357</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		549,999,680,102	390,763,466,004
3. Đầu tư dài hạn khác	258		612,375,942,273	768,923,990,153
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(9,519,354,900)	(4,952,296,800)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>121,857,391,915</b>	<b>126,131,140,655</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	121,857,391,915	126,131,140,655
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>16,526,478,825</b>	<b>18,400,398,825</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,344,435,261,939</b>	<b>2,370,996,593,667</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,825,398,302,601</b>	<b>1,150,289,362,979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>344,668,726,928</b>	<b>217,582,502,231</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	81,432,499,213	76,316,129,986
2. Phải trả người bán	312		18,280,845,262	14,057,201,256
3. Người mua trả tiền trước	313		446,207,000	102,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		62,438,909,454	40,146,113,053
5. Phải trả người lao động	315		706,504,205	10,777,075,524
6. Chi phí phải trả	316		765,144,119	598,262,265
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	182,755,304,727	73,277,488,824
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2,156,687,052)	2,308,231,323
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,480,729,575,673</b>	<b>932,706,860,748</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1,480,061,390,642	932,142,296,975

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối quý	Số đầu năm
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		668,185,031	564,563,773
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,466,454,398,580</b>	<b>1,206,582,290,893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>1,466,454,398,580</b>	<b>1,206,582,290,893</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750,810,000,000	500,540,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162,238,261,577	287,373,231,577
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		62,308,046,293	45,690,265,680
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		491,098,090,710	372,978,793,636
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>500</b>		<b>52,582,560,758</b>	<b>14,124,939,795</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>3,344,435,261,939</b>	<b>2,370,996,593,667</b>

TPHCM, Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Người lập biểu

**Vũ Thị Thùy**

Kế toán trưởng

**Lê Quốc Bình**

Trưởng Giám đốc



**LÊ VŨ HOÀNG**





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	316,306,692,469	173,013,294,076
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(29,339,580,761)	(12,592,240,261)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29,457,353,052)	(22,393,766,114)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(80,401,930,069)	(84,077,945,356)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(60,536,252,802)	(6,509,222,616)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	71,468,616,523	151,688,361,663
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(103,183,062,083)	(95,848,044,466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>84,857,130,225</b>	<b>103,280,436,926</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(444,848,434,233)	(833,909,526,815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(525,750,000)	85,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86,952,658,000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34,470,022,220	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(455,193,436,220)	(358,538,333,278)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	573,297,068,920	261,597,031,039
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,694,001,303	99,979,881,719
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(360,059,186,010)</b>	<b>(830,785,401,880)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	175,528,030,000	54,746,618,836

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2009
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN	32	0	(9,408,873,240)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	512,474,653,159	935,769,003,806
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(289,375,076,527)	(351,871,439,262)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50,204,682,000)	(75,567,868,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>348,422,924,632</b>	<b>553,667,442,140</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>73,220,868,847</b>	<b>(173,837,522,814)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ(*)</b>	<b>60</b>	<b>89,867,099,204</b>	<b>258,396,157,648</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>163,087,968,051</b>	<b>84,558,634,834</b>

Người lập biểu

  
Vũ Thị Thủy

Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Tuấn

TPHCM, ngày 25 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc



  
LÊ VŨ HOÀNG



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### *Hình thức sở hữu vốn:*

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 01 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty là 753,27 tỷ đồng, được chia thành 75,327 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2010 là 298 (năm 2009 là 299).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010, Công ty có 3(ba) công ty con và ngành nghề kinh doanh, hoạt động chính cụ thể như dưới đây.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty mẹ là:**

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh- chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng- chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng Công trình dân dụng, Công trình Công nghiệp, Công trình giao thông, Công trình đường ống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ.
- Kinh doanh nhà vệ sinh Công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy. Cung cấp nước sạch
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt.
- Cho thuê kho bãi

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của các Công ty con là:**

##### **+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển XD Ninh Thuận**

- Xây dựng : nhà các loại; công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích; công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt : hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xây dựng khác.

- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**+ Công ty CP Đầu tư & XD cầu đường Bình Triệu**

- Khai thác , xử lý và cung cấp nước ( không hoạt động tại trụ sở )

- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng .

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước .Lắp đặt hệ thống xây dựng ( không rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn ; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở.

- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản

**+ Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xa lộ Hà nội**

- Khai thác , xử lý và cung cấp nước

- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác.

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xây dựng.

- Kinh doanh bất động sản

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

## **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi / lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được tính khấu hao theo tỷ lệ bằng 57% doanh thu thực hiện hàng năm. Tỷ lệ 57% này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị chuyển nhượng quyền thu phí mà đơn vị phải trả cho Sở Tài chính - Vật giá thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 18 tháng kể từ ngày 17/09/2002 là 1.000 tỷ đồng và tổng doanh thu thu phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) ước tính đơn vị sẽ đạt được trong vòng 9 năm kể từ ngày 01/01/2002 (đối với trạm thu phí Hà Nội) và từ ngày 01/09/2002 (đối với trạm thu phí HƯNG VƯƠNG nối dài) là 1.750 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết 34/2005/NQ-HĐND ngày 26/12/2005 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 6, Hội đồng Nhân dân đã cho phép tính lại thời gian chuyển giao quyền thu phí trên 2 tuyến đường Điện Biên Phủ và Hùng Vương nối dài từ 9 năm lên 12 năm. Do đó, kể từ tháng 12 năm 2005 trở đi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định vô hình được tính bằng 47,34% doanh thu thực hiện. Tỷ lệ 47,34 % này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị còn lại của giá trị chuyển nhượng quyền thu phí là 650.191.348.743 đồng và tổng doanh thu thu phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) ước tính đơn vị sẽ đạt được trong thời gian thu phí còn lại tính từ ngày 01/12/2005 là 1.373.360.611.813 đồng.

Theo biên bản thanh tra thuế tại Công ty CII ngày 23/07/2008 của đoàn thanh tra Chính phủ, căn cứ công văn số 427/2008/CV-CII ngày 12/08/2008 gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc trích lập khấu hao tài sản cố định. Do đó, kể từ ngày 01/01/2006 trở đi số dư khấu hao quyền thu phí giao thông là 643.268.332.072 đồng (giá trị còn lại), thời gian còn lại để tính khấu hao là 32,82 quý. Như vậy, số khấu hao quyền thu phí được trích mỗi quý là 19.599.888.241 đồng.

## **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán**

### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám Đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Tại ngày 30/09/2010, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư XD cầu đường Bình Triệu	51%	51%
Công ty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội	99%	99%
Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	64%	64%

Khoản đầu tư vào Công ty con ( Công ty CP Đầu tư & XD cầu đường Bình Triệu, Công ty Cổ phần Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội, Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận) đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Tại ngày 30/09/2010 , Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	49%	49%
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	30.53%	30.53%
Công ty CP Đầu tư HT Bất Động Sản Sài Gòn	35%	35%
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	39.17%	39.17%

Tại ngày 30/09/2010, các công ty liên kết của công ty được hợp nhất vào công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### *Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 đến 3 năm .

## **Dự phòng phải trả**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

## **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

## **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

## **Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

## **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<b>V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	1,213,895,737	1,169,788,682
- Tiền gửi ngân hàng	161,874,072,314	88,697,310,522
<b>Cộng</b>	<b>163,087,968,051</b>	<b>89,867,099,204</b>

<b>V.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Trị giá</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Trị giá</b>
- Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn		<b>157,476,982,428</b>		<b>148,587,308,340</b>
Cổ phiếu CII	2,250,000	90,571,046,504	1,468,040	84,949,305,340
Cổ phiếu LGC	1,969,450	58,205,935,924	1,800,000	52,638,003,000
Cổ phiếu Cty BOO Nước Thù Đức	-	-	50,000	11,000,000,000
Cổ phiếu NBB	100,000	8,700,000,000	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(10,021,015,504)	-	-
<i>- Lý do thay đổi: là do cơ cấu lại danh mục các khoản đầu tư của Công ty</i>				
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>147,455,966,924</b>	<b>-</b>	<b>148,587,308,340</b>

<b>V.3. Các khoản phải thu khác:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
+ Công ty CII	<b>88,930,211,645</b>	<b>34,949,501,273</b>
Dự án cầu ngã 5+6 Kiên Giang-Công ty 565	2,136,245,418	1,841,318,751
Dự án cầu Cầu Sông Luỹ-Công ty 565	4,199,326,663	3,283,356,663
Dự án tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm-Công ty 56: Công ty 565	1,091,798,333	-
Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt	849,342,083	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	22,752,016,667	17,292,016,667
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	6,058,400,000	2,407,600,000
Công ty 577	745,858,334	868,666,667
Công ty CP Đầu tư & kinh doanh Thép Nhân Luật	754,600,000	1,656,200,000
Tổng Công ty công trình giao thông 5	1,999,354,167	1,544,354,167
Công ty TNHH Vườn Việt	6,394,046,305	5,456,121,818
Công ty CP BOO Nước Thù Đức	30,000,000,000	-

Dự án góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia	838,917,501	341,250,834
Dự án chuyển nhượng quyền thu phí ĐBP & KDV	3,818,602,717	-
Cổ phiếu Cty BTRC - SII	704,710,694	-
Dự án Diamond Riverside - SII	2,895,227,184	-
Cổ phiếu Cty TDW - SII	2,248,984,347	-
Điện chiếu sáng cầu Bình Triệu 2	101,985,981	101,985,981
Phải thu khác	1,340,795,251	156,629,725
+ Công ty CP Đầu tư & XD cầu đường Bình Triệu	-	150,000
+ Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	139,894,816	51,050,014
<b>Cộng</b>	<b>89,070,106,461</b>	<b>35,000,701,287</b>

<b>V.4. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	1,051,454	653,695
- Công cụ, dụng cụ	-	16,000,000
- Chi phí SX, KD dở dang	875,388,150	1,526,181,535
- Hàng hóa	175,731,296	564,857,655
<b>Cộng</b>	<b>1,052,170,900</b>	<b>2,107,692,885</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>1,052,170,900</b>	<b>2,107,692,885</b>

<b>V.5. Các khoản phải thu dài hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,946,291,687	2,008,680,687

V.6. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số đầu năm	80,638,105,383	3,350,157,177	3,255,687,022	205,725,914	87,449,675,496
- Mua trong năm		117,419,061	1,163,037,000		1,280,456,061
- Thanh lý, nhượng bán		52,869,247			52,869,247
- Giảm khác (*)	80,638,105,383				80,638,105,383
Số cuối kỳ	-	3,414,706,991	4,418,724,022	205,725,914	8,039,156,927
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	13,254,405,263	2,481,895,029	1,926,548,491	194,907,732	17,857,756,515
- Khấu hao trong năm		476,092,029	170,052,665	2,028,411	648,173,105
- Thanh lý, nhượng bán		7,930,386			7,930,386
- Giảm khác (*)	13,254,405,263				13,254,405,263
Số cuối kỳ	-	2,950,056,672	2,096,601,156	196,936,143	5,243,593,971
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	67,383,700,120	868,262,148	1,329,138,531	10,818,182	69,591,918,981
Số cuối kỳ	-	464,650,319	2,322,122,866	8,789,771	2,795,562,956

\* Nguyên giá TSCĐ cuối quý 03/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1,142,643,169 đồng

V.7. Tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2	Quyền thu phí giao thông trạm XLHN và trạm KDV	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số đầu năm		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Tăng khác	80,638,105,383		80,638,105,383
Số cuối kỳ	80,638,105,383	1,000,000,000,000	1,080,638,105,383
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm		675,836,682,981	675,836,682,981
- Khấu hao trong năm	26,841,533,972	58,799,664,723	85,641,198,695
Số cuối kỳ	26,841,533,972	734,636,347,704	761,477,881,676
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	324,163,317,019	324,163,317,019
Số cuối kỳ	53,796,571,411	265,363,652,296	319,160,223,707

<i>V.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>- Công ty CII</i>	<i>534,763,908,408</i>	<i>204,891,699,409</i>
+ Dự án mái nhà trạm HN & HV	2,360,490,832	2,146,246,287
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	21,482,067,661	9,084,504,021
+ Dự án khu TĐC Tam tân	710,117,032	543,976,194
+ Dự án khu TĐC Tân An Hội	1,974,830,866	1,640,386,480
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	779,080,567	596,118,007
+ Dự án di dời trạm XLHN	26,959,355,421	8,507,542,836
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	1,036,276,857	438,078,374
+ Dự án BOT mở rộng XLHN	8,891,541,933	5,294,260,902
+ Dự án mở rộng XLHN giai đoạn 1	59,206,025,125	51,766,864,936
+ Dự án liên tỉnh lộ 25B	170,954,057,633	75,369,679,651
+ Dự án BOT Cần Rạch Chiểu	240,410,064,481	49,504,041,721
<i>- Công ty CP Đầu tư &amp; XD cầu đường Bình Triệu</i>	<i>53,805,569,241</i>	<i>5,948,418,746</i>
<i>- Công ty CP Đầu tư &amp; XD Xa lộ Hà nội</i>	<i>67,105,863,880</i>	<i>80,165,576</i>
<i>- Công ty CP Đầu tư &amp; PT XD Ninh Thuận</i>	<i>160,343,984,723</i>	<i>50,792,047,024</i>
<b>Cộng</b>	<b>816,019,326,252</b>	<b>261,712,330,755</b>

V.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
<b>a. Đầu tư vào Cty liên kết</b>		<b>549,999,680,102</b>		<b>390,763,466,004</b>
Cty CP BOO nước Thủ Đức		164,331,806,488		206,156,658,853
Cty CP BOO nước Đồng Tâm		165,509,550,000		134,753,550,000
Cty CP cơ khí Điện Lữ Gia	2,069,403	74,531,518,237	1,669,403	49,853,257,151
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Sài Gòn		145,626,805,377		-
<i>Lý do thay đổi: Góp bổ sung tăng vốn, chuyển nhượng vốn.</i>				
<b>b. Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>612,375,942,273</b>		<b>768,923,990,153</b>
- Đầu tư cổ phiếu		<b>174,755,798,080</b>		<b>179,668,083,180</b>
Công ty CP CK TP.HCM	717,427	17,224,913,080	1,987,857	29,906,156,000
Công ty CP Đầu tư & PT XD		-	1,000,000	12,375,000,000
NH TMCP Việt á	1,250,580	21,005,800,000	1,250,580	21,005,800,000
Công ty CP 565	1,960,000	17,165,140,000	1,225,000	12,265,140,000
Công ty CP 577	363,330	34,359,945,000	136,200	9,367,350,000
Công ty PETROLAND	8,500,000	85,000,000,000	8,500,000	85,000,000,000
Cty CP cơ khí Điện Lữ Gia			318,610	9,748,637,180
- Đầu tư trái phiếu		<b>50,000,000,000</b>		<b>50,000,000,000</b>
Công ty CP Đầu tư & PT XD	500,000	50,000,000,000	500,000	50,000,000,000
- Hợp tác đầu tư		<b>387,620,144,193</b>		<b>539,255,906,973</b>
Công ty CP 565( DA cầu Sông Lũy)		5,670,000,000		11,670,000,000
Cty CP 565( DA ngã 5+6 Kiên Giang )		2,860,000,000		3,860,000,000
Cty CP 565( DA tuyến tránh Phan Rang )		30,000,000,000		-
Cty CP Đầu tư Cadif		4,500,000,000		-
Dự án 6,5ha KDC P.Bình An, Q2		21,831,906,973		26,831,906,973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh		35,506,237,220		13,594,000,000
DA BOT cầu Đồng nai		9,000,000,000		9,000,000,000
DA khu Cổ Mễ - Cty Vườn Việt		60,000,000,000		60,000,000,000
DA chung cư NBB - Cty 577		-		180,000,000,000
DA Au cơ Plaza - Cty INVESTCO		6,000,000,000		24,000,000,000
DA Khu công nghệ cao Sài Gòn		19,752,000,000		15,000,000,000

DA HTĐT 70 Lữ Gia	-	25,000,000,000
DA GV chia SP cao ốc 70 Lữ Gia	6,000,000,000	5,000,000,000
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ	29,700,000,000	29,700,000,000
Công ty CP Hoà Phú	30,000,000,000	24,000,000,000
Công ty CP cấp nước Kênh Đông	88,800,000,000	73,600,000,000
DA Mê Kông-Tiền Giang	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty CP Nhân Luật	28,000,000,000	28,000,000,000
Tổng công ty XDCT GT 5	5,000,000,000	5,000,000,000
<i>Lý do thay đổi: Góp bổ sung tăng vốn vào các dự án, chuyển nhượng vốn.</i>		
<b>c. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:</b>	<b>9,519,354,900</b>	<b>4,952,296,800</b>
NH TMCP Việt á	4,952,296,800	4,952,296,800
Công ty CP 577	4,567,058,100	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,152,856,267,475</b>	<b>1,154,735,159,357</b>

<b>V.10 Chi phí trả trước dài hạn:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước dài hạn trạm Hà Nội	207,700,579	277,999,579
Chi phí trả trước dài hạn trạm Hùng Vương	5,790,974,548	2,134,601,152
Chi phí trả trước dài hạn VP Công ty	115,571,358,235	123,090,213,888
Công ty CP BOO Thủ Đức	40,181,053,222	44,064,206,442
Chi phí phát hành trái phiếu	4,687,500,000	5,625,000,000
Công ty CP BOO nước Đồng Tâm	20,678,051,568	15,139,747,128
Công ty CP cấp nước Kênh Đông	16,902,076,841	11,121,985,238
Công ty CP 565	1,196,145,825	1,196,145,825
Công ty CP ĐT&PT XD Ninh Thuận	4,586,616,589	1,809,851,500
Chung cư NBB - Công ty 577	15,896,111	19,290,743,645
Công ty CP Hoà Phú	5,616,177,971	3,428,565,156
Công ty CP ĐT&PT hạ tầng KCNC SG	4,046,164,726	3,925,886,326
Hợp tác đầu tư DA cao ốc 70 Lữ Gia	-	4,435,677,583
Da 6,5ha khu dân cư Bình An, Q2	2,408,363,832	2,408,363,832
Cty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	9,885,502,459	8,184,536,583
Công ty CP Đầu tư và XD Xa lộ Hà Nội	1,904,811,667	-
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ	542,535,812	-

Cty CP DL Mê Kông-My Tho	220,434,165	-
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh	636,971,418	-
Cty CP Đầu tư & XD cầu Đồng nai	1,012,608,493	-
Các dự án khác	1,050,447,536	2,459,504,630
Chi phí trả trước dài hạn Xí nghiệp thu phí	285,459,189	628,326,036
Chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Xa lộ Hà nội	1,899,364	-
<b>Cộng</b>	<b>121,857,391,915</b>	<b>126,131,140,655</b>

<i>V.11 Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn	81,432,499,213	39,056,445,986
<i>Công ty CII</i>	72,542,597,477	24,367,350,000
Cty CP ĐT&PT hạ tầng KCNC SG	19,752,000,000	15,000,000,000
Cty CP Chứng khoán TP.HCM	-	9,367,350,000
Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN_SGD1	52,790,597,477	-
<i>Công ty Bình Triệu</i>	8,889,901,736	14,689,095,986
Cty CP Chứng khoán TP.HCM	8,889,901,736	14,689,095,986
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	37,259,684,000
<b>Cộng</b>	<b>81,432,499,213</b>	<b>76,316,129,986</b>

<i>V.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Kinh phí công đoàn	4,123,276	3,955,120
- Bảo hiểm xã hội	24,965,656	8,355,040
- Bảo hiểm y tế	561,072	1,123,440
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	548,960
- Lãi trái phiếu phải trả	12,450,549,453	25,325,549,453
- Phải trả Công ty TNHH Vườn Việt	38,000,000,000	45,000,000,000
- Phải trả Công ty CP Đầu tư HT Bất Động Sản(SII) từ DA chuyển nhượng quyền thu phí GT	130,028,189,625	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,246,915,645	2,937,956,811
<b>Cộng</b>	<b>182,755,304,727</b>	<b>73,277,488,824</b>

<i>V.13 Vay và nợ dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay Ngân hàng	980,061,390,642	432,142,296,975
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	184,762,480,622	13,335,585,000
Ngân hàng TMCP XNK VN	444,816,876,444	250,844,941,955
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	13,600,000,000	13,800,000,000
Ngân hàng Hàng Hải(*)	208,469,260,890	97,798,040,599
Vay hợp vốn NH EXIMBANK và NH VCB	128,412,772,686	56,363,729,421
- Trái phiếu phát hành	500,000,000,000	500,000,000,000
Trái phiếu thông thường	500,000,000,000	500,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,480,061,390,642</b>	<b>932,142,296,975</b>

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trong vòng một năm	0	37,259,684,000
Trong năm thứ hai	107,382,433,758	66,395,168,000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	655,101,818,639	319,484,900,257
Sau năm năm	717,577,138,245	546,262,228,718
	<b>1,480,061,390,642</b>	<b>969,401,980,975</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	37,259,684,000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1,480,061,390,642</b>	<b>932,142,296,975</b>



V.14 *Vốn chủ sở hữu*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	5		5	6
<i>Số dư đầu năm trước</i>	400,200,000,000	249,306,900,000	39,051,264,287	(49,305,577,183)	142,428,655,366	781,681,242,470
- Tăng vốn trong năm trước	100,340,000,000					100,340,000,000
- Lãi trong năm trước	-	-			316,247,601,394	316,247,601,394
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	6,639,001,393		-	6,639,001,393
- Tăng khác	-	38,066,331,577	-	(6,997,958,240)	-	31,068,373,337
- Chia cổ tức đợt 2/2008 & đợt 1/2009	-	-	-		72,964,292,000	72,964,292,000
- Giảm khác				(56,303,535,423)	782,968,617	(55,520,566,806)
- Trích lập quỹ					11,950,202,507	11,950,202,507
<i>Số đầu năm</i>	500,540,000,000	287,373,231,577	45,690,265,680	-	372,978,793,636	1,206,582,290,893
- Tăng vốn trong năm nay	250,270,000,000					250,270,000,000
- Lãi trong năm nay	-	-			334,601,482,214	334,601,482,214
- Trích từ lợi nhuận năm nay	-	-	16,617,780,613		-	16,617,780,613
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2009	-	-	-		175,189,000,000	175,189,000,000
- Giảm khác		125,134,970,000			11,381,180,037	136,516,150,037
- Trích lập quỹ					29,912,005,103	29,912,005,103
<i>Số cuối kỳ</i>	750,810,000,000	162,238,261,577	62,308,046,293	-	491,098,090,710	1,466,454,398,580

**Cổ phiếu**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75,327,000	50,300,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75,081,000	50,054,000
+ Cổ phiếu phổ thông	75,081,000	50,054,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75,081,000	50,054,000
+ Cổ phiếu phổ thông	75,081,000	50,054,000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Quý 3**

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3**

<b>VI.1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>41,982,261,504</b>	<b>59,162,484,965</b>	<b>147,333,714,647</b>	<b>148,667,521,615</b>
	Trong đó:				
	- Doanh thu bán hàng	289,770,551	730,301,653	3,244,924,297	1,240,662,506
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41,692,490,953	58,432,183,312	144,088,790,350	147,426,859,109
	<b>Cộng</b>	<b>41,982,261,504</b>	<b>59,162,484,965</b>	<b>147,333,714,647</b>	<b>148,667,521,615</b>
	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-	-	-
	- Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>41,982,261,504</b>	<b>59,162,484,965</b>	<b>147,333,714,647</b>	<b>148,667,521,615</b>
<b>VI.2.</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>				
	- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2,341,448,224	7,581,090,524	16,419,705,566	7,967,294,197
	<b>Cộng</b>	<b>2,341,448,224</b>	<b>7,581,090,524</b>	<b>16,419,705,566</b>	<b>7,967,294,197</b>
<b>VI.3.</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,461,464,639	618,846,188	5,489,286,469	953,551,612
	- Cổ tức, lợi nhuận được chia	612,500,000	15,279,664,018	8,387,599,400	38,653,993,793
	- Doanh thu hoạt động tài chính khác	43,249,187,915	79,316,165,019	439,309,093,629	144,745,185,942
	<b>Cộng</b>	<b>46,323,152,554</b>	<b>95,214,675,225</b>	<b>453,185,979,498</b>	<b>184,352,731,347</b>
<b>VI.4.</b>	<b>Chi phí tài chính</b>				
	- Lãi tiền vay	13,728,313,214	13,102,288,081	83,989,625,668	26,983,365,241
	- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11,767,023,604		14,588,073,604	(14,005,673,128)
	- Chi phí tài chính khác	260,377,666	351,641,404	3,027,693,354	922,504,808
	<b>Cộng</b>	<b>25,755,714,484</b>	<b>13,453,929,485</b>	<b>101,605,392,626</b>	<b>13,900,196,921</b>

**VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Đơn vị tính: VND

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2010		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q03/2009	
	Thu phí	Đầu tư	Thu phí	Đầu tư
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	49,940,357,427	359,877,785,595	62,012,323,363	179,163,367,717
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		13,329,900,210		49,836,899,505
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	60,503,286	227,496,714	79,796,866	(10,693,321,866)
Thu nhập chịu thuế	50,000,860,713	346,775,382,099	62,092,120,229	118,633,146,346
Thuế suất thông thường	10%	25%	10%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,000,086,072	86,693,845,525	6,863,360,655	29,658,286,587
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	5,000,086,072	4,158,191,605	4,079,597,724	8,897,485,976
Thuế TNDN còn phải nộp	0	82,535,653,920	2,783,762,930	20,760,800,611
<b>Tổng cộng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>82,535,653,920</b>		<b>23,544,563,541</b>	

(\*) Năm 2009 và năm 2010, Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động thu phí. Ngoài ra, năm 2009 Công ty còn được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động đầu tư và hoạt động thu phí theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

(\*) Năm 2010, Công ty mẹ được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu của năm 2007 và năm 2008 với số tiền thuế được giảm là: 6.334.590.462 đồng theo công văn 149/TCT-PC ngày 14/01/2010 của Tổng Cục Thuế.

**VI.6. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ**

Chỉ tiêu này đã bao gồm phần lợi nhuận sau thuế là 13.551.639.074 đồng phân chia cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 74/HĐ-HTĐT-CII ngày 29 tháng 06 năm 2010 “Dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông tuyến đường Điện Biên Phủ (XLHN) và Kinh Dương Vương”.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****VII.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 03/10	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 03/09
Lương	4,484,495,259	2,333,718,925
Tiền thưởng	3,676,571,090	222,502,801
<b>Cộng</b>	<b>8,161,066,349</b>	<b>2,556,221,726</b>

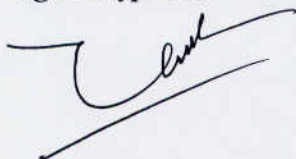
**VII.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trên Báo cáo tài chính.

**VII.3. Số liệu so sánh**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



Vũ Thị Thủy

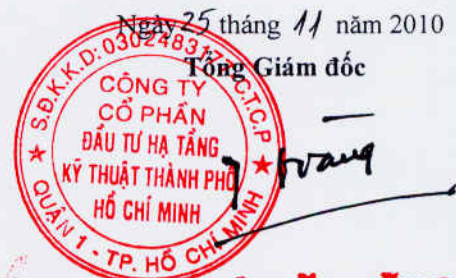
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc



LÊ VŨ HOÀNG